

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2025/KDTM-ST
Ngày: 26 – 6 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bông Hương
- Ông Phạm Quang Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2020/TLST-KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 945/2025/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 946/2025/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ trụ sở: Số B - B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Tạ Ngọc H, sinh năm 1987; Địa chỉ liên lạc: Số A - A đường L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy uỷ quyền số 290B/GUQ-CN BÌNH TÂN ngày 29/4/2025)

- Bị đơn: Công ty TNHH T; Địa chỉ trụ sở: Số F đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Trần Phước H1, sinh năm 1976; Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ: Khóm B, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Hoàng L, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số B T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2020, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 13/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S do ông Tạ Ngọc H làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có cho Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T) vay vốn để mua xe ô tô với thông tin chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LD1909200166 ngày 02/4/2019, số tiền vay là 460.000.000 đồng, lãi suất 8,8%/năm, lãi suất điều chỉnh đến thời điểm hiện tại là 8,3%/năm, thời gian vay 05 năm (60 tháng), thời điểm trả hết nợ là 02/4/2024. Khoản vay đã được giải ngân theo Giấy nhận nợ số LD1909200361 ngày 02/4/2019, số tiền đã giải ngân là 460.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, Ngân hàng và Công ty T có ký Hợp đồng thế chấp số 33/2019/HĐTC/CNBT ngày 02/4/2019, tài sản thế chấp là xe ô tô Toyota Vios biển số 51G-897.43, số khung RL4B23F33K5060738, số máy: 2NRX417562, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/4/2019 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ thời gian vay đến nay, Công ty T đã thanh toán tổng số tiền gốc: 61.336.000 đồng, tổng số tiền lãi: 24.145.606 đồng. Tính đến ngày 26/6/2025, khoản vay trên đã quá hạn thanh toán là 2.016 ngày với tổng số tiền phải thanh toán là 733.552.732 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 398.664.000 đồng, lãi trong hạn là 90.025.851 đồng, lãi quá hạn là 207.391.465 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 37.471.416 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, làm việc, nhắc nợ Công ty T để trả nợ vay cho Ngân hàng, đồng thời cũng tạo điều kiện để Công ty trả nợ khoản vay. Tuy nhiên, đến nay Công ty T vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi cũng như chất lượng tín dụng tại Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Công ty T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/6/2025 là 733.552.732 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 398.664.000 đồng, lãi trong hạn là 90.025.851 đồng, lãi quá hạn là 207.391.465 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 37.471.416 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Công ty T thanh toán toàn bộ lãi phát sinh từ ngày 27/6/2025 cho đến khi trả dứt nợ.

- Trong trường hợp Công ty T không trả được nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là

xe ô tô Toyota Vios biển số 51G-897.43, số khung RL4B23F33K5060738, số máy: 2NRX417562 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản đảm bảo mà không đủ trả số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí liên quan đến việc khởi kiện, chi phí phát mại tài sản (nếu có) thì buộc Công ty T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn lại.

Ngân hàng rút lại toàn bộ yêu cầu Công ty T trả nợ gốc và lãi còn nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1807400026 ngày 16/3/2018 và yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô Toyota Camry biển số 51G-156.46 theo Hợp đồng thế chấp số 24/2018/HĐTC/LVQ ngày 16/3/2018.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho Công ty T, ông Ngô Hoàng L nhưng Công ty T, ông L không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nên Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên căn cứ Điều 93, 94, 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S một lần tổng số tiền tính đến ngày 26/6/2025 là 733.552.732 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 398.664.000 đồng, lãi trong hạn là 90.025.851 đồng, lãi quá hạn là 207.391.465 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 37.471.416 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Công ty T phải chịu toàn bộ số tiền lãi quá hạn, phí, phạt phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số LD1909200166 ngày 02/4/2019 cho Ngân hàng kể từ ngày 27/6/2025 cho đến khi trả hết nợ.

- Nếu Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là xe ô tô Toyota Vios biển số 51G-897.43, số khung RL4B23F33K5060738, số máy: 2NRX417562.

- Trường hợp sau khi phát mại tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí liên quan đến việc khởi kiện, chi phí phát mại tài sản (nếu có) thì Công ty T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn lại.

- Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2020, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 13/8/2020 của nguyên đơn, Hợp đồng tín dụng số LD1909200166 ngày 02/4/2019, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bị đơn có trụ sở tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn:* Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 06/6/2025. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt Công ty T và ông Ngô Hoàng L:* Do Công ty T và ông L vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt Công ty T và ông L.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Công ty T và ông L không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ án, cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải

quyết theo quy định pháp luật. Công ty T và ông L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Ngân hàng rút lại toàn bộ yêu cầu Công ty T trả nợ gốc và lãi còn nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1807400026 ngày 16/3/2018 và yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô Toyota Camry biển số 51G-156.46 theo Hợp đồng thế chấp số 24/2018/HĐTC/LVQ ngày 16/3/2018.

Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của Ngân hàng.

[2.2] Ngân hàng yêu cầu Công ty T trả số tiền nợ gốc là 398.664.000 đồng:

Xét Hợp đồng tín dụng số LD1909200166 ngày 02/4/2019, Giấy nhận nợ số LD1909200361 ngày 02/4/2019 cùng với lời khai của đại diện nguyên đơn thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 401 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ nêu trên có cơ sở xác định Công ty T có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và số tiền Ngân hàng đã thực tế giải ngân là 460.000.000 đồng. Công ty T đã trả được số tiền nợ gốc là 61.336.000 đồng, vì vậy số tiền gốc còn nợ là 398.664.000 đồng. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của bị đơn đã vi phạm quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng và vi phạm Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Công ty T trả số nợ gốc tính đến ngày 26/6/2025 là 398.664.000 đồng có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Ngân hàng yêu cầu Công ty T trả số tiền lãi tính đến ngày 26/6/2025 là 334.888.732 đồng, trong đó lãi trong hạn là 90.025.851 đồng, lãi quá hạn là 207.391.465 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 37.471.416 đồng. Yêu cầu Công ty T trả lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 27/6/2025 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng:

Tại Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận lãi suất vay trong hạn là 8,8%/năm (lãi suất được tính theo 01 năm là 365 ngày) cố định trong 12 tháng đầu tiên sau đó kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần theo biên độ + 3,5%/năm. Lãi suất hiện nay là 8,3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Hội đồng xét xử xét thấy hai bên thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Công ty T trả số tiền nợ lãi, phí phạt tính đến ngày 26/6/2025 là 334.888.732 đồng có cơ sở nên được chấp nhận.

Như vậy, tính đến ngày 26/6/2025, tổng số tiền mà Công ty T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 733.552.732 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 398.664.000 đồng, lãi trong hạn là 90.025.851 đồng, lãi quá hạn là 207.391.465 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 37.471.416 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và các khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.4] Về thời hạn và phương thức trả nợ:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[2.5] Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

Xét, Hợp đồng thế chấp số 33/2019/HĐTC/CNBT ngày 02/04/2019 và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/4/2019 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 319 Bộ luật Dân sự 2015. Đồng thời, các bên đều thể hiện ý chí của mình, đã đọc và đồng ý ký tên. Từ những phân tích và nhận định nêu trên có đủ căn cứ xác định hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Vì vậy, Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền phát mại hoặc yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 299, Điều 303, Điều 307, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể, Ngân hàng được quyền phát mại hoặc yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ vay:

- 01 xe ô tô Toyota Vios biển số 51G-897.43, số khung RL4B23F33K5060738, số máy: 2NRX417562 do Công ty T đứng tên chủ sở hữu.

Sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm nêu trên mà không đủ để tất toán khoản vay thì Công ty T sẽ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết đã ký với Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết số nợ còn lại.

[2.5] Tại phiên tòa hôm nay, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 733.552.732 đồng, do đó án phí Công ty T phải chịu là 33.342.109 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 22.686.818 đồng theo Biên lai thu tiền số 0070539 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 303, Điều 307, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 323, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S:

Đình chỉ về việc yêu cầu Công ty TNHH T trả nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số LD1807400026 ngày 16/3/2018 và yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô Toyota Camry biển số 51G-156.46 theo Hợp đồng thế chấp số 24/2018/HĐTC/LVQ ngày 16/3/2018.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S:

Buộc Công ty TNHH T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ tính đến ngày 26/6/2025 của Hợp đồng tín dụng số LD1909200166 ngày 02/04/2019 là 733.552.732 đồng (bảy trăm ba mươi ba triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng), trong đó: Số tiền nợ gốc là 398.664.000 đồng, lãi trong hạn là 90.025.851 đồng, lãi quá hạn là 207.391.465 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 37.471.416 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp Công ty TNHH T không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì Ngân hàng TMCP S được quyền phát mại hoặc yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 33/2019/HĐTC/CNBT ngày 02/04/2019 để thu hồi nợ vay, cụ thể là:

- 01 xe ô tô Toyota Vios biển số 51G -897.43, số khung RL4B23F33K5060738, số máy: 2NRX417562 do Công ty TNHH T đứng tên chủ sở hữu.

Sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm nêu trên mà không đủ để tất toán khoản vay thì Công ty TNHH T sẽ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết đã ký với Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi hết số nợ còn lại.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.342.109 đồng (ba mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm lẻ chín đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 22.686.818 đồng (hai mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm mười tám đồng) theo Biên lai thu tiền số 0070539 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hương